



biàn shí

辨识

verb · identify, recognize

Example Sentences

Tā néng biàn shí gè zhǒng niǎo lèi.
他能辨识各种鸟类。

He can identify various kinds of birds.

Tōng guò zhǐ wén kě yǐ biàn shí yí ge rén de shēn fèn.
通过指纹可以辨识一个人的身份。

A person's identity can be identified through fingerprints.

Trace each character, then write the word on your own.

辨	辨	辨	辨	辨	辨	辨	辨	辨	辨	辨
辨	辨	辨	辨	辨	辨	辨	辨			
识	识	识	识	识	识	识	识	识	识	